

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 04/2002/PL-
UBTVQH11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 2002

PHÁP LỆNH

Tổ chức Tòa án quân sự

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức và hoạt động của các Tòa án quân sự,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các Tòa án quân sự là những cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức trong Quân đội.

Trong phạm vi chức năng của mình, các Tòa án quân sự có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật và sức mạnh chiến đấu của Quân đội; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng và của các công dân khác.

Bằng hoạt động của mình, các Tòa án quân sự góp phần giáo dục quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, điều lệnh của Quân đội, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Điều 2.

1. Các Tòa án quân sự gồm có:

- Tòa án quân sự trung ương;
- Các Tòa án quân sự quân khu và tương đương;
- Các Tòa án quân sự khu vực.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội Ủy ban Thường vụ quốc hội quyết định thành lập, giải thể Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sau khi thống nhất với bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Các Tòa án quân sự có thẩm quyền xét xử những vụ án hình sự mà bị cáo là:

1. Quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu; dân quân, tự vệ phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và những người được trung tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý;
2. Những người không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này mà phạm tội có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho quân đội.

Điều 4. Đối với những người không còn phục vụ trong Quân đội mà phát hiện hành vi phạm tội của họ đã được thực hiện trong thời gian phục vụ trong Quân đội hoặc những người đang phục vụ trong Quân đội mà phát hiện hành vi phạm tội của họ đã được thực hiện trước khi vào Quân đội, thì Tòa án quân sự xét xử những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho Quân đội; những tội phạm khác do Tòa án nhân dân xét xử.

Điều 5. Trong trường hợp vụ án vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự, vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thì thẩm quyền xét xử được thực hiện như sau:

1. Trong trường hợp có thể tách vụ án thì Tòa án quân sự xét xử những bị cáo và tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 3 và Điều 4 của Pháp lệnh này; những bị cáo và tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân;
2. Trong trường hợp không thể tách vụ án thì Tòa án quân sự xét xử toàn bộ vụ án.

Điều 6. Chế độ bổ nhiệm Thẩm phán được thực hiện đối với các Tòa án quân sự.

Chế độ cử Hội thẩm quân nhân được thực hiện đối với các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực.

Điều 7. Việc xét xử của Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực có Hội thẩm quân nhân tham gia theo quy định của pháp luật tố tụng. Khi xét xử, Hội thẩm quân nhân ngang quyền với Thẩm phán.

Điều 8. Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm quân nhân độc lập và chi tuân theo pháp luật.

Điều 9. Tòa án quân sự xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Thành phần Hội đồng xét xử ở mỗi cấp xét xử do pháp luật tố tụng quy định.

Điều 10. Tòa án quân sự xét xử công khai, trừ trường hợp cần xét xử kín để giữ gìn bí mật nhà nước, bí mật quân sự, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ.

Điều 11. Tòa án quân sự xét xử theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội; cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật.

Điều 12. Tòa án quân sự bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Điều 13. Tòa án quân sự bảo đảm cho những người tham gia tố tụng quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước Tòa án.

Điều 14.

1. Tòa án quân sự thực hiện chế độ hai cấp xét xử.

Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án quân sự có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do pháp luật quy định thì có hiệu lực pháp luật. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Đối với bản án, quyết định của Tòa án quân sự đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì được xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm do pháp luật tố tụng quy định.

Điều 15. Bản án, quyết định của Tòa án quân sự đã có hiệu lực pháp luật phải được các đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và mọi người tôn trọng.

Cá nhân, đơn vị, cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của Tòa án quân sự phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Trong phạm vi chức năng của mình, các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án quân sự phải nghiêm chỉnh thi hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 16. Trong trường hợp cần thiết, cùng với việc ra bản án, quyết định, Tòa án quân sự ra kiến nghị yêu cầu Thủ trưởng đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm hoặc vi phạm pháp luật tại đơn vị cơ quan, tổ chức đó. Thủ trưởng đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức nhận được kiến nghị có trách nhiệm nghiên cứu thực hiện và trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị phải thông báo cho Tòa án quân sự về việc đó.

Điều 17. Tòa án quân sự phối hợp với các đơn vị vũ trang nhân dân, các cơ quan, tổ chức trong việc phát huy tác dụng giáo dục của phiên tòa và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án quân sự.

Điều 18. Tòa án quân sự cùng với Viện kiểm sát quân sự, Cơ quan điều tra hình sự của Quân đội, Cơ quan an ninh của Quân đội và các cơ quan hữu quan khác nghiên cứu, thực hiện những chủ trương biện pháp nhằm phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Điều 19. Cơ quan chính trị quân khu và tương đương mỗi năm một lần tổ chức hội nghị đại biểu quân nhân trong đơn vị mình và các đơn vị đóng quân trên địa bàn để nghe Tòa án quân sự cùng cấp báo cáo hoạt động của Tòa án quân sự và trả lời những câu hỏi của các đại biểu.

Tòa án quân sự có trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân về hoạt động của Tòa án quân sự có liên quan đến địa phương.

Điều 20. Tòa án nhân dân tối cao quản lý các Tòa án quân sự về tổ chức có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng.

Quy chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng trong việc quản lý các Tòa án quân sự về tổ chức do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TÒA ÁN QUÂN SỰ CÁC CẤP

Mục 1.

TÒA ÁN QUÂN SỰ TRUNG ƯƠNG

Điều 21.

1. Tòa án quân sự trung ương thuộc cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao.
2. Cơ cấu tổ chức của Tòa án quân sự trung ương gồm có:
 - a) Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương;
 - b) Các Tòa phúc thẩm Tòa án quân sự trung ương;
 - c) Bộ máy giúp việc.
3. Tòa án quân sự trung ương có Chánh án, các Phó Chánh án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án.

Điều 22.

1. Tòa án quân sự trung ương có thẩm quyền xét xử:
 - a) Phúc thẩm những vụ án hình sự mà bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của các Tòa án quân sự cấp dưới trực tiếp bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng;
 - b) Giám đốc thẩm, tái thẩm những vụ án hình sự mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án quân sự cấp dưới bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.
2. Tòa án quân sự trung ương giám đốc việc xét xử của các Tòa án quân sự cấp dưới.

Điều 23.

1. Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương gồm có:
 - a) Chánh án, các Phó Chánh án Tòa án quân sự trung ương;
 - b) Một số Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự trung ương.Tổng số thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương không quá bảy người.
2. Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:
 - a) Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể việc áp dụng thống nhất pháp luật tại các Tòa án quân sự;
 - b) Tổng kết kinh nghiệm xét xử của các Tòa án quân sự;
 - c) Thông qua báo cáo của Chánh án Tòa án quân sự trung ương về công tác của các Tòa án quân sự để báo cáo với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.